

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 983/2017HNGĐ-ST.

Ngày: 22.- 8.- 2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Kim Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Văn Rỹ**

2. Bà **Nguyễn Hồng Dịu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Doãn Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 708/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Bùi Anh T**; sinh năm: 1978; cư trú tại Đường P, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Cẩm V**; sinh năm: 1986; cư trú tại Đường T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – anh Bùi Anh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Cẩm V chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/12/2005. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do chị V có quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2016 đến nay. Nay, anh T nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Bùi Nhật U, sinh ngày 15/9/2006 và Bùi Nhật H, sinh ngày 30/10/2010, hiện 02 con đang sống cùng chị

V. Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu giao 02 con chung cho chị V nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 27/7/2017, bị đơn - chị Nguyễn Thị Cẩm V trình bày: Chị xác nhận chị và anh T chung sống có đăng ký kết hôn và có 02 con chung là Bùi Nhật U, sinh ngày 15/9/2006 và Bùi Nhật H, sinh ngày 30/10/2010 như anh T trình bày là đúng.

Chị đồng ý ly hôn với anh T, đồng ý nuôi 02 con chung cũng như chấp nhận mức cấp dưỡng anh T đề nghị.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn – anh Bùi Anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – chị Nguyễn Thị Cẩm V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Bùi Anh T và chị Nguyễn Thị Cẩm V có đăng ký kết hôn, anh T yêu cầu ly hôn với chị V, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “tranh chấp ly hôn”.

Hiện nay, bị đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm V đang cư trú tại Quận H, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do hồ sơ vụ án không có thu thập chứng cứ; không có đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử vụ án không có sự tham gia của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8.

Anh T và chị V đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh T và chị V.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 205/2005, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/12/2005, cùng lời khai của anh T và chị V về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa anh T và chị V là hôn nhân hợp pháp.

Anh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và chị V cũng đồng ý ly hôn, đồng thời anh T và chị V đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tổ chức phiên hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh T và chị V đều có yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải cho thấy anh chị không muốn tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, anh T và chị V đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Anh T và chị V có 02 con chung tên Bùi Nhật U, sinh ngày 15/9/2006 và Bùi Nhật H, sinh ngày 30/10/2010. Sau khi ly hôn, anh T đề nghị giao 02 con chung cho chị V nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ 2.000.000 đồng/tháng. Chị V đồng ý yêu cầu này của anh T. Do đó, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao 02 con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành theo quy định tại khoản 2 Điều 82, các Điều 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 600.000 đ (Sáu trăm nghìn đồng) anh T phải chịu (bao gồm: Án phí ly hôn 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 và các Điều 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Anh T về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm V.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm V.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 205/2005, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/12/2005).

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Cẩm V trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Bùi Nhật U, sinh ngày 15/9/2006 và Bùi Nhật H, sinh ngày 30/10/2010. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi trẻ 2.000.000 đ/tháng (Hai triệu đồng một tháng) cho đến khi con trưởng thành.

Anh Bùi Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc cấp dưỡng theo thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 600.000 đ (Sáu trăm nghìn đồng) anh Bùi Anh T phải chịu. Anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0027480 ngày 19/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh Bùi Anh T phải nộp bổ sung 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Anh T và chị Nguyễn Thị Cẩm V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND phường K, Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Đặng Thị Kim Nguyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

